

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **29/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 02-4-2024

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Trần Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Phúc

Bà Phạm Thị Em

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Phạm Linh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 709/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2023 về việc ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 179/2024/QĐST-HN ngày 14 tháng 3 năm 2024 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Châu Cẩm T1, sinh năm 1993;

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1990;

Cùng địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Chị T1 và anh T2 vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn, bản tự khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, chị Châu Cẩm T1 trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T2 tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Sau khi cưới tình cảm vợ chồng có hạnh phúc thời gian ngắn, từ năm 2021 mâu thuẫn giữa vợ chồng phát sinh do tính tình không phù hợp, thường xảy ra những chuyện bất hoà nguyên nhân do anh T2 không quan tâm chăm sóc gia đình, một mình chị lo lắng cho gia đình nên chị có thiếu nợ, việc chị thiếu nợ anh T2 cũng không quan tâm, không có tiếng nói gì để giúp đỡ chị trong lúc khó khăn nên chị

đã bỏ nhà ra đi từ năm 2021, cũng từ đó anh chị sống ly thân. Từ ngày chị bỏ đi anh T2 cũng không quan tâm chị nên chị thấy tình cảm giữa chị và anh T2 không còn khả năng hàn gắn. Chị T1 khẳng định không còn tình cảm vợ chồng với anh T2 nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T2. Chị T1 không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn.

- *Về con chung*: Nguyễn Minh T3, sinh ngày 08/11/2019. Từ ngày chị đi con sống với anh T2, để con có cuộc sống ổn định nên chị đồng ý để con tiếp tục sống với anh T2, chị đồng ý cấp dưỡng nuôi con cho anh T2 mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng).

- *Về tài sản chung*: không có; *Về nợ chung*: không có. Lúc còn sống chung với anh T2 chị có thiếu nợ vài người, khi đi chị cũng đã gửi tiền về trả, chị không yêu cầu anh T2 có trách nhiệm.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T2 trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải theo đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh T2 đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu của anh T2.

Tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến: Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký đã tuân thủ theo quy định của pháp luật. Đối với những người tham gia tố tụng: nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Châu Cẩm T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa cũng như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện ly hôn của chị Châu Cẩm T1 đối với anh Nguyễn Văn T2, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Anh Nguyễn Văn T2 cư trú tại ấp A, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Chị Châu Cẩm T1 có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Văn T2 trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa vắng mặt không lý do, do đó vụ án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho anh T2 theo quy định nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T2, chị T1 là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị T1 và anh T2 chung sống với nhau vào năm 2019 trên tinh thần tự nguyện có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02/01/2019 phù hợp với quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Chị Cẩm T1 cho rằng từ đầu năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T2 không quan tâm chăm sóc gia đình, vợ chồng không có tiếng nói chung và đã sống ly thân từ năm 2021. Nay chị T1 xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T2 không còn và xin được ly hôn với anh T2. Hội đồng xét xử thấy rằng thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Cẩm T1 và anh T2 đã phát sinh, anh chị sống ly thân từ đầu năm 2021. Tại biên bản xác minh ngày 24/01/2024 của Tòa án đối với người nhà của anh T2 cho rằng giữa anh T2 và chị T1 đã không còn sống chung từ năm 2022 do chị T1 có thiếu nợ nên bỏ đi. Thời gian sống ly thân thì anh T2 cũng không quan tâm gì đến chị, chị T1 nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án, Tòa án cũng đã nhiều lần mời anh T2 tham gia phiên hoà giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh T2 vẫn vắng mặt thể hiện anh T2 cũng không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị T1. Điều đó chứng tỏ rằng tình trạng hôn nhân của chị T1 và anh T2 đã có mâu thuẫn trầm trọng, tình thương đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T1 là hoàn toàn phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị T1 không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn nên ghi nhận.

[2.2] *Về con chung*: anh chị có 01 con chung là Nguyễn Minh T3, sinh ngày 08/11/2019. Từ ngày chị T1 và anh T2 sống ly thân thì Minh T3 sống với anh T2, để con có cuộc sống ổn định nên chị T1 đồng ý để con tiếp tục sống với anh T2, ý kiến của chị T1 cũng phù hợp với hiện tại cháu Minh T3 đang sống với anh T2. Xét việc giao con chung cho ai nuôi cần xem xét mọi mặt về điều kiện vật chất và tinh thần, sự phát triển bình thường của con chung nên việc giao con chung cho anh T2 nuôi dưỡng là phù hợp. Chị T1 đồng ý cấp dưỡng nuôi con cho anh T2 mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng), việc cấp dưỡng nuôi con anh T2 không có ý kiến yêu cầu nhưng chị T1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho anh T2 mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) là phù hợp Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình nên được ghi nhận.

Vì quyền và lợi ích của con, một hoặc cả hai bên được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau này.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: chị T1 khai không có nên Tòa án không xem xét.

[2.4] *Về án phí*: Án phí Hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng chị T1 phải chịu và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Chị T1 còn phải nộp 300.000 đồng.

[3] Từ những nhận định nêu trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51 và Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Châu Cẩm T1 đối với anh Nguyễn Văn T2.

1.1. Về hôn nhân: Cho chị Châu Cẩm T1 ly hôn với anh Nguyễn Văn T2.

Ghi nhận chị T1 không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn.

1.2. Về con chung: anh Nguyễn Văn T1 được quyền tiếp tục nuôi con là Nguyễn Minh T3, sinh ngày 08/11/2019. Ghi nhận chị T1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho anh T2 mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi có lý do chính đáng, cha mẹ có thể thoả thuận mức cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thoả thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: chị T1 khai không có nên không xem xét.

2. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Tổng cộng là 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng chị T1 có nghĩa vụ chịu nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001781 ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Chị T1 còn phải nộp số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí.

3. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng GĐKT TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Lê Trần Phương Thảo